

**Bảng 08. Bảng giá đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp
tại khu công nghiệp, cụm công nghiệp**
(Kèm theo Nghị quyết số 176/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025
của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: 1.000 đồng/m²

Số TT	Tên cụm công nghiệp, khu công nghiệp	Địa chỉ	Giá đất
I	CỤM CÔNG NGHIỆP		
1	CCN Thạch Đồng	Phường Trần Phú	750
2	CCN Trung Lương	Phường Bắc Hồng Lĩnh	600
	CCN Trung Lương (phần mở rộng, chưa có hạ tầng)	Phường Bắc Hồng Lĩnh	260
3	CCN Nam Hồng	Phường Nam Hồng Lĩnh	600
4	CCN Cổng Khánh 1	Phường Nam Hồng Lĩnh	260
5	CCN Cổng Khánh 2	Phường Nam Hồng Lĩnh	260
6	CCN Cổng Khánh 3	Phường Nam Hồng Lĩnh	260
7	CCN Phù Việt	Xã Việt Xuyên	400
8	CCN Tân Lâm Hương	Phường Hà Huy Tập	200
9	CCN Thạch Khê	Xã Thạch Khê	200
10	CCN Bắc Cẩm Xuyên	Xã Cẩm Bình	600
11	CCN Bắc Cẩm Xuyên 2	Xã Cẩm Bình	200
12	CCN Cẩm Nhượng	Xã Thiên Cẩm	200
13	CCN Nam Cẩm Xuyên	Xã Cẩm Lạc, xã Cẩm Trung	150
14	CCN Thạch Kim	Xã Lộc Hà	750
15	CCN Thạch Bằng	Xã Lộc Hà	200
16	CCN An Thịnh	Xã Lộc Hà	110
17	CCN Hồng Tân	Xã Hồng Lộc	110
18	CCN Thái Yên (đã cho thuê trả tiền một lần)	Xã Đức Thịnh	215
	CCN Thái Yên (mở rộng)	Xã Đức Thịnh	215
19	CCN huyện Đức Thọ (trừ phần diện tích đã cho thuê trả tiền một lần)	Xã Đức Thọ	250
20	CCN huyện Đức Thọ 2	Xã Đức Thọ	250
21	CCN Trường Sơn	Xã Đức Minh	290
22	CCN Lạc Thiện	Xã Đức Thịnh	200
23	CCN huyện Can Lộc	Xã Can Lộc	200
24	CCN Yên Huy (đã cho thuê trả tiền một lần)	Xã Gia Hanh	96
25	CCN Kim Song Trường	Xã Trường Lưu	150
26	CCN Kỳ Hưng	Phường Sông Trí	200
27	CCN Kỳ Ninh	Phường Hải Ninh	200
28	CCN Hưng Trí	Phường Sông Trí	200
29	CCN huyện Vũ Quang	Xã Vũ Quang	70
30	CCN Kỳ Phong	Xã Kỳ Xuân	150
31	CCN Đồng Khang	Xã Kỳ Anh, xã Kỳ Khang	150
32	CCN Lâm Hợp	Xã Kỳ Lạc	70

Số TT	Tên cụm công nghiệp, khu công nghiệp	Địa chỉ	Giá đất
33	CCN Kỳ Khang	Xã Kỳ Khang	150
34	CCN Kỳ Tân	Xã Kỳ Hoa	150
35	CCN Hương Phúc	Xã Phúc Trạch	70
36	CCN Hương Long	Xã Hương Khê	70
37	CCN Phúc Đồng	Xã Hương Bình	110
38	CCN Gia Phố	Xã Hương Phố	110
39	CCN Sơn Lễ	Xã Sơn Tiến	70
40	CCN Sơn Trường	Xã Kim Hoa	70
41	CCN Quang Diệm	Xã Sơn Giang	70
41	CCN Khe Cò	Xã Sơn Tiến	175
42	CCN Xuân Lĩnh	Xã Nghi Xuân	250
43	CCN Xuân Mỹ	Xã Tiên Điền	150
44	CCN Xuân Phố	Xã Đan Hải	150
II	KHU CÔNG NGHIỆP		
1	KCN Vũng Áng 1	Phường Vũng Áng	1.000
2	KCN Phú Vinh (đã cho thuê trả tiền 1 lần)	Phường Vũng Áng, phường Hoành Sơn	158
3	KCN Hoành Sơn	Phường Hoành Sơn	200
4	KCN phụ trợ phía Tây Nam đường tránh Quốc lộ 1A	Phường Sông Trí, phường Hoành Sơn, phường Vũng Áng	200
5	Các khu quy hoạch CN khác trong KKT Vũng Áng (KCN trung tâm Lô CN4, CN5,...)	Phường Vũng Áng	200
6	KCN Đại Kim	Xã Sơn Kim 1	350
7	KCN Hà Tân	Xã Sơn Tây	110
8	KCN Gia Lách	Xã Nghi Xuân	350
	KCN Gia Lách (mở rộng)	Xã Nghi Xuân	200
10	KCN Hạ Vàng	Xã Can Lộc	200
11	KCN phía Tây thành phố Hà Tĩnh	Phường Hà Huy Tập, xã Thạch Xuân, xã Toàn Lưu	250
12	KCN Bắc Thạch Hà	Xã Đông Kinh, xã Việt Xuyên	200
13	KCN Bắc Hồng Lĩnh	Phường Bắc Hồng Lĩnh	250

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH